



Phụ lục 01:
MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC CỤ THỂ, DỰ KIẾN THỜI GIAN/CHỦ ĐỀ THỰC HIỆN
ĐỘ TUỔI: NHÀ TRẺ 25-36 THÁNG
(Kèm theo kế hoạch số 86/KH-TrMN ngày 22/8/2025 của trường mầm non Kỳ Thượng về Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nhà trường Năm học 2025-2026)

I. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC CỤ THỂ

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
I. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
1. Phát triển vận động	
MT1: Trẻ khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Cân nặng, chiều cao của trẻ: + Cân nặng: Trẻ trai: 11,3 - 18,3 kg Trẻ gái: 10,8 - 18,1 kg + Chiều cao: Trẻ trai: 88,7 - 103,5 cm Trẻ gái: 87,4 - 102,7 cm	- Cung cấp dinh dưỡng theo nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi. - Trẻ được khám sức khỏe định kỳ 1 năm 2 lần. - Cân, đo và theo dõi sức khỏe trên biểu đồ tăng trưởng 3 tháng 1 lần. - Chế độ sinh hoạt hợp lý. - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo biểu đồ phát triển. - Thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh; can thiệp sớm đối với trẻ suy dinh dưỡng và có nguy cơ suy dinh dưỡng.
a. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.	
MT2: Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	- Hô hấp: + Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa hai tay lên cao, hạ xuống. + Đưa hai tay ra phía trước, đưa về phía sau. + Đưa hai tay dang ngang, hạ xuống. + 1 tay đưa về trước, 1 tay đưa ra sau. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, đứng thẳng người lên. + Ngửa người ra phía sau, đứng thẳng người lên. + Đứng nghiêng người sang bên phải, trái. + Đứng quay người sang bên phải, trái. - Chân: + Ngồi xõm, đứng lên. + Bật tại chỗ. + Co duỗi chân.

	+ Đứng nâng cao chân gấp gối.
<i>b. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động ban đầu</i>	
MT3: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi trong đường hẹp có mang vật trên tay	- Đi trong đường hẹp. - Đi theo đường ngoằn ngoèo. - Đi bước qua gậy kê cao. - Đi trong đường hẹp có mang vật trên tay.
MT4: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi thay đổi tốc độ nhanh chậm theo cô.	- Đứng co 1 chân. - Đi bước vào các ô. - Đi kết hợp với chạy. - Đi thay đổi tốc độ nhanh chậm theo hiệu lệnh.
MT5: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động chạy: Chạy thay đổi tốc độ nhanh chậm theo cô	- Bước lên xuống bậc cao 15cm (5 - 7 bậc) - Bước lên xuống bậc có vịn. - Chạy theo hướng thẳng. - Chạy đổi hướng. - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.
MT6: Trẻ phối hợp tay chân cơ thể trong khi bò để giữ được vật trên lưng.	- Bò hướng thẳng theo đường hẹp. - Bò chui qua cổng. - Bò qua vật cản. - Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng.
MT7: Trẻ thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong bài tập tổng hợp: Trườn qua vật cản.	- Trườn về phía trước. - Trườn theo hướng thẳng. - Trườn chui dưới cổng. - Trườn qua vật cản.
MT8: Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném: Ném xa lên phía trước bằng 1 tay.	- Ném xa bằng 2 tay. - Ném bóng vào đích. - Ném bóng về phía trước.
MT9: Trẻ thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong bài tập tổng hợp: Bật qua vạch kẻ	- Bật tại chỗ. - Nhún bật xa bằng 2 chân. - Bật qua vạch kẻ.
MT10: Trẻ thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong bài tập: Tung bắt bóng cùng cô.	- Tung bóng cho cô. - Tung bắt bóng với cô bằng 2 tay.
<i>c. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay.</i>	
MT11: Trẻ biết thực hiện các vận động: cổ tay, bàn tay, ngón tay, thực hiện múa khéo.	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay vào nhau, rót, nhào, khuấy, đảo...
MT12: Trẻ biết phối hợp các cử động bàn tay, ngón tay và	- Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật.

phối hợp tay mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn, vẽ tổ chim, xâu vòng tay...	- tập xâu, luồn dây, cài cỏi cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình. - Chồng xếp 6-8 khối. - Tập cầm bút tô vẽ. - Lật mở trang sách.
2. Giáo dục dinh dưỡng sức khỏe	
MT13: Trẻ biết thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.
MT14: Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa.	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.
MT15: Trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.
MT16: Trẻ biết một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn, lau mặt...	- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn, vứt rác đúng nơi quy định.
MT17: Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)	- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước + mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo... + Chuẩn bị chỗ ngủ. - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định - Tập một số thao tác trong rửa tay lau mặt.
MT18: Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn ngủ, vệ sinh.	- Nói với người lớn khi có nhu cầu ăn ngủ, vệ sinh.
MT19: Trẻ chấp nhận đội mũ khi ra nắng, đi giày dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Đội mũ khi ra nắng, đi giày dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh.
MT20: Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	- Một số vật dụng, nơi nguy hiểm không được phép sờ hoặc đến gần.
MT21: Trẻ nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	- Một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.
II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	

1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan	
MT22: Trẻ sờ nắn, nghe, ngửi, sờ, nếm, nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi...đồ vật, hoa quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi, để nhận biết cứng, mềm, trơn, nhẵn, xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn: Ngọt, mặn, chua, cay.
2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi	
MT23: Trẻ sử dụng được một số đồ dùng đồ chơi quen thuộc	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
MT24: Trẻ chơi, bắt chước hành động đơn giản của người gần gũi	- Chơi, bắt chước hành động đơn giản của người gần gũi
MT25: Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Tên và công việc của của những người thân trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm, lớp.
MT26: Trẻ nói được tên, chức năng của một số bộ phận khi được hỏi.	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, tay, chân...
MT27: Trẻ nói được tên, một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	- Tên, một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa, rau, quả, con vật quen thuộc.
MT28: Trẻ nói được tên, một vài đặc điểm nổi bật của PTGT gần gũi.	Tên, một vài đặc điểm nổi bật của PTGT gần gũi.
MT29: Trẻ chỉ, nói được tên hoặc lấy, cất đồ chơi màu đỏ, vàng, xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh.
MT30: Trẻ chỉ hoặc lấy, cất đồ dùng đồ chơi có kích thước to, nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước to - nhỏ.
MT31: Trẻ biết một số hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian.	- Hình tròn, hình vuông. - Vị trí trong không gian: Trên, dưới, trước, sau so với bản thân trẻ.
III. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	

1. Nghe, hiểu lời nói	
MT32: Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2, 3 hành động.	Nghe thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.
MT33: Trẻ trả lời được các câu hỏi: Ai đây?, cái gì đây?, làm gì?...	- Nghe các câu hỏi: “Ở đâu?”; “Con gì?”; “Như thế nào?”; “Cái gì?”; “Làm gì?”.
MT34: Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn, đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.
2. Nghe, nhắc lại các âm thanh, các tiếng và các câu.	
MT35: Trẻ biết phát âm rõ tiếng.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Trả lời và đặt câu hỏi: “Cái gì? “Làm gì?” “Ở đâu?, Như thế nào? “để làm gì?” ; “Tại sao?... - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 - 2 câu đơn giản và câu dài.
MT36: Trẻ đọc được bài đồng dao, ca dao, thơ với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng.
3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp	
MT37: Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh
MT38: Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau.	- Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây?, cái gì đây?...
MT39: Trẻ biết nghe khi người lớn đọc sách.	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách.
MT40: Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
IV. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ	
1. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân	

MT41: Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	- Tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.
MT42: Trẻ thể hiện điều mình thích và không thích.	- Một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Thể hiện điều mình thích và không thích.
2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi	
MT43: Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh.
MT44: Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận...
MT45: Trẻ biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Biểu lộ một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận...
MT46: Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các vật nuôi.
3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản	
MT47: Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ă, vâng ă.	- Thực hiện một số hành vi văn hoá và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ă”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn.
MT48: Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)	- Thực hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi.
MT49: Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.
MT50: Trẻ thực hiện được một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.
MT51: Trẻ có ý	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.

thức thực hiện một số yêu cầu đơn giản.	
4. Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc, tô màu, vẽ nặn, xếp hình, xem tranh	
MT52: Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.
MT53: Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh.

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN:

STT	TÊN CHỦ ĐỀ	CÁC SỰ KIỆN	SỐ TUẦN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
1	Bé và các bạn	- Tết trung thu	4 tuần	Từ 08/9/2025 đến 03/10/2025
2	Đồ chơi của bé	- Ngày thành lập HLHPN Việt Nam 20/10	3 tuần	Từ 06/10/2025 đến 24/10/2025
3	Các cô, các bác trong nhà trẻ	Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	4 tuần	Từ 27/10/2025 đến 21/11/2025
4	Mẹ và những người thân của bé.	Ngày thành lập QĐNDVN 22/12	4 tuần	Từ 24/11/2025 đến 19/12/2025
5	Những con vật đáng yêu		4 tuần	Từ 22/ 12/2025 đến 16/01/2026
6	Cây và những bông hoa đẹp		3 tuần	Từ 19/01/2026 đến 06/02/2026
Nghỉ tết Nguyên đán từ ngày 16/02/2026 đến hết ngày 28/02/2026 (Từ thứ 2 ngày 29 tháng Chạp đến thứ bảy ngày 12 tháng Giêng)				
7	Tết và mùa xuân	Tết Nguyên đán Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3	3 tuần	Từ 09/02/2026 đến 13/3/2026
8	Bé thích đi bằng phương tiện giao thông		3 tuần	Từ 16/3/2026 đến 03/4/2026

	gì			
9	Mùa hè đến	- Ngày quốc tế lao động 1/5	4 tuần	Từ 06/4/2026 đến 01/5/2026
10	Bé lên mẫu giáo	Ngày sinh nhật Bác Hồ	3 tuần	Từ 04/5/2026 đến 22/5/2026
GHI CHÚ	<i>Bắt đầu học kỳ I từ 05/9/2025. Kết thúc học kỳ I: 09/01/2026</i> <i>Bắt đầu học kỳ II từ 12/01/2026. Kết thúc học kỳ II: 22/5/2026</i> <i>Kết thúc năm học ngày 29/5/2026</i>			

